

# FRT: Dragon Capital giảm tỷ lệ sở hữu tại FPT Retail xuống dưới 10%

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (Mã: FRT | Sàn: HSX)



## 1. Giao dịch thoái vốn của Dragon Capital tại FRT

- Ngày giao dịch: 13/05/2025
- Số cổ phiếu bán ra: 310,900 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu giảm: từ 10.036% xuống 9.8078%
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ còn lại: hơn 13,360,000 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ phiếu bán ra theo từng quỹ thành viên:

| Quỹ thành viên                         | Số cổ phiếu bán ra |
|----------------------------------------|--------------------|
| DC Developing Markets Strategies PLC   | 52,500             |
| Hanoi Investment Holdings Limited      | 52,800             |
| Norges Bank                            | 72,800             |
| Vietnam Enterprise Investments Limited | 12,800             |
| Wareham Group Limited                  | 120,000            |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>310,900</b>     |

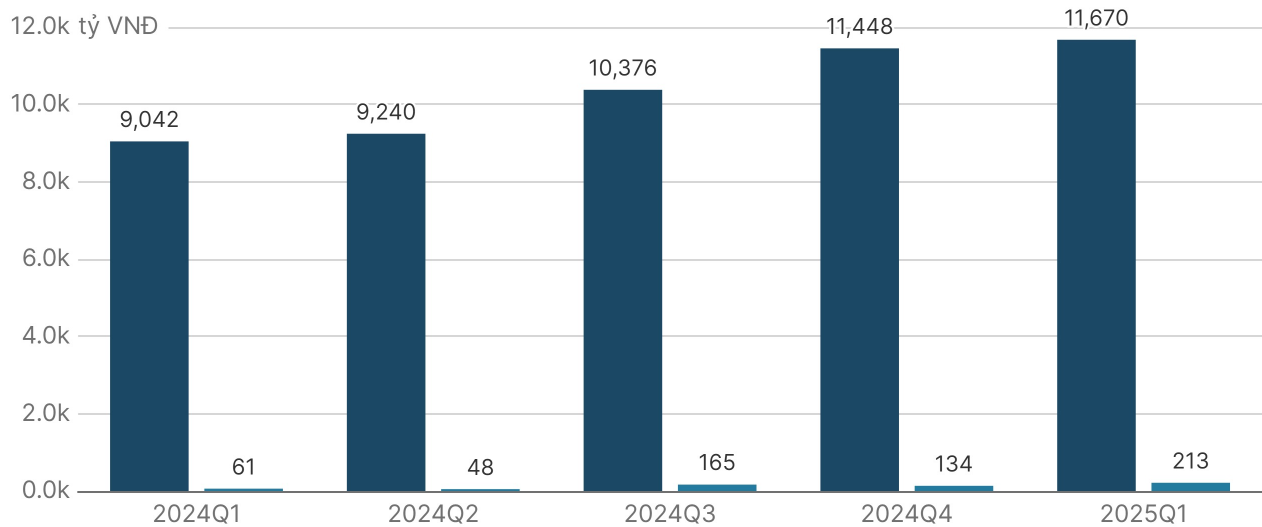
- Giá cổ phiếu FRT (13/05/2025): 175,000 VND/cổ phiếu
- Ước tính giá trị giao dịch: khoảng 54.4 tỷ đồng

## 2. Kết quả kinh doanh quý I/2025 của FPT Retail

Tóm tắt kết quả hoạt động:

| Chỉ tiêu                     | Giá trị (tỷ VND) | Tăng trưởng so với Q1/2024 |
|------------------------------|------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần              | 11,669.8         | +29.1%                     |
| Lợi nhuận gộp                | 2,324.5          | +28.6%                     |
| Doanh thu tài chính          | 37.9             | +49.8%                     |
| Chi phí tài chính            | 88.7             | +46.4%                     |
| Chi phí bán hàng             | 1,588.2          | +15.1%                     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 418.5            | +38%                       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>    | <b>212.8</b>     | <b>gấp 3.5 lần</b>         |

### Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế (FRT)

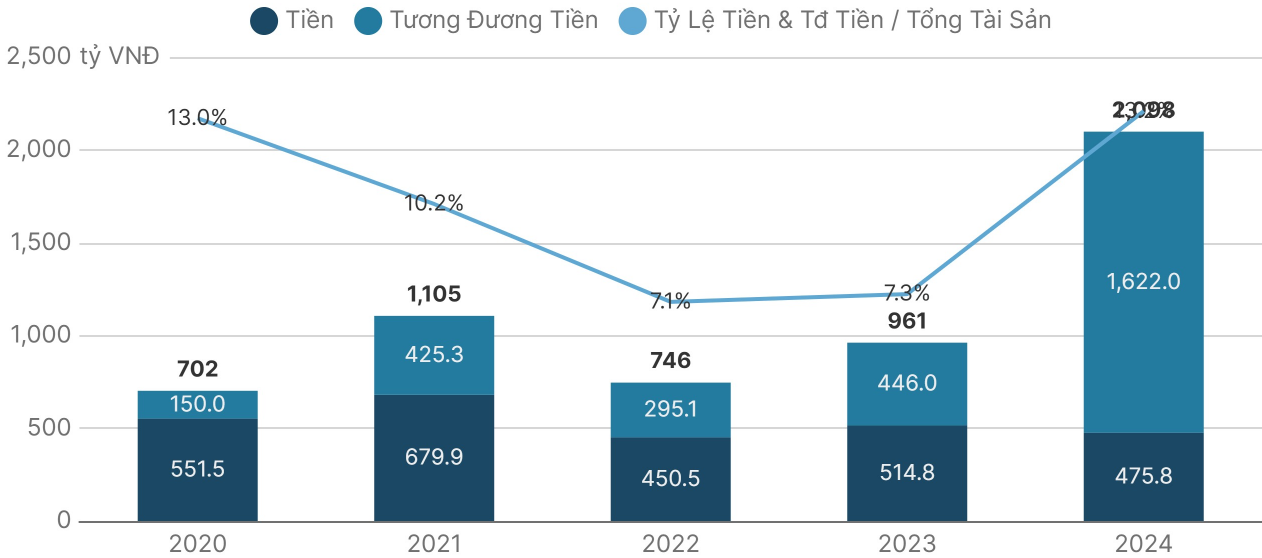


Nguồn, tổng hợp: BCTC FRT, fireant.vn.

## 3. Cơ cấu tài sản và nợ tại ngày 31/03/2025

| Khoản mục               | Giá trị (tỷ VND) | Ghi chú                  |
|-------------------------|------------------|--------------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>     | 16,636.1         | +5.1% so với đầu năm     |
| Hàng tồn kho            | 9,765.9          | Chiếm 58.7% tổng tài sản |
| Tiền & tương đương tiền | 3,391.1          | Chiếm 20.4% tổng tài sản |

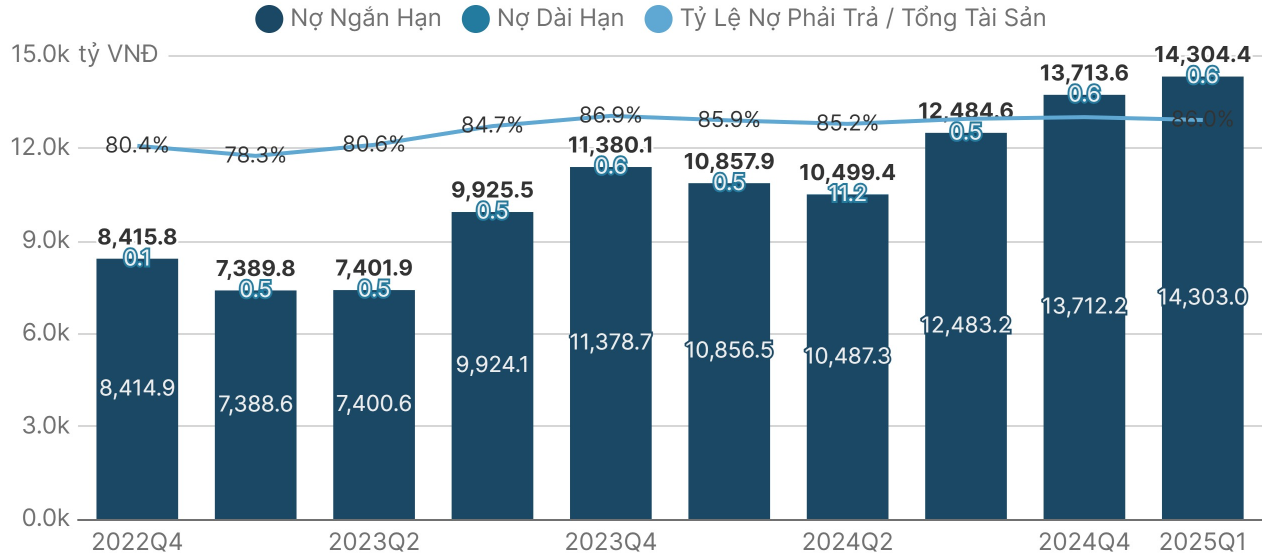
Tiền và tương đương tiền (FRT)



Nguồn, tổng hợp: BCTC FRT, fireant.vn.

| Khoản mục                        | Giá trị (tỷ VND) | Ghi chú              |
|----------------------------------|------------------|----------------------|
| Tổng nợ phải trả                 | 14,303.5         | +4.3% so với đầu năm |
| Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn | 8,899.1          | Chiếm 62.2% tổng nợ  |

Nợ phải trả (FRT)



Nguồn, tổng hợp: BCTC FRT, fireant.vn.